

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Vinh

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thanh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần TH T (tên gọi khác Trần Thị TH T), sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 16C, đường Y, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Văn TH, sinh năm 1972

Địa chỉ Số 16C, đường Y, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn bà Trần TH T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn TH đăng ký kết hôn vào năm 1994, đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn

nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng sống chung với gia đình bà, sau đó sống với gia đình chồng một thời gian, đến năm 1996 thì vợ chồng ra sống riêng tại Số 16C, đường Y, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về lối sống, ông TH thường xuyên xúc phạm đến gia đình bà và đánh đập bà, từ năm 2016 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống luôn căng thẳng và áp lực, nay tình cảm vợ chồng không còn nguyện vọng của bà xin được ly hôn ông TH.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Đỗ Minh T, sinh ngày 06/4/1994 và Đỗ Nhật T2; sinh ngày 29/8/1996, hiện nay các con đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà xin tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập ông TH đến làm việc nhưng ông TH vắng mặt, Tòa án đã niêm yết các thủ tục cho ông TH.

Tại phiên tòa hôm nay bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông TH ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa trước khi hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần TH T đối với ông Đỗ Văn TH. Về con chung và tài sản chung và nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần TH T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đỗ Văn TH đã được toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Toà án xét xử vắng mặt bà T và ông TH theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà Trần TH T (Trần Thị TH T) xin ly hôn ông Đỗ Văn TH. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”, căn cứ theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà T và ông TH đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức kể cưới, nên quan hệ hôn nhân trên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo trình bày của bà T do vợ chồng không hòa hợp về lối sống, ông TH thường xuyên xúc phạm đến bà và gia đình bà, đánh đập bà. Nay bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bà T xin ly hôn. Tòa án nhiều lần triệu tập ông TH để hòa giải, nhưng ông TH vắng mặt không có lý do là thể hiện không tha thiết và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông TH không còn, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần TH T đối với ông Đỗ Văn TH. Cho ly hôn giữa bà Trần TH T và ông Đỗ Văn TH .

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh T, sinh ngày 06/4/1994 và Đỗ Nhật T2; sinh ngày 29/8/1996, hiện đã trưởng thành và bà T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần TH T xin ly hôn đối với ông Đỗ Văn TH. Cho ly hôn giữa bà Trần TH T và ông Đỗ Văn TH.

2. Về án phí: Bà Trần TH T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001420 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết, các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND phường D, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 30 ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị T Nga

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Quang Vinh

+ Bà Nguyễn Thị Loan

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số

Căn vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viên kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ tranh chấp:

+ Ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh: Bà T xin ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ Xin ly hôn”

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Loan : thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

2. Về điều luật và các văn bản pháp luật được áp dụng:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Phạm Quang Vinh:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, 39 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Loan: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

3. Về giải quyết các vấn đề của vụ án:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Loan: Xét quan hệ hôn nhân giữa T và ông TH là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân theo trình bày của bà T thì do không hòa hợp về lối sống, ông TH thường xuyên xúc phạm đến bà và gia đình bà, đánh đập bà. Nay bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, bà T xin ly hôn, Tòa án nhiều lần triệu tập ông TH để hòa giải, nhưng ông TH không có thiện chí phối hợp mà vắng mặt không có lý do là thể hiện không tha thiết và mong muốn hãn gắn tình

cảm vợ chồng với bà T, nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông TH không còn, có kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T và ông TH ly hôn .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh Tân, sinh ngày 06/4/1994 và Đỗ Nhật Tân; sinh ngày 29/8/1996, hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Phạm Quang Vinh: thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Nguyễn Thị Loan.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

4-Về án phí:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Phạm Quang Vinh: bà T phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Loan : thống nhất với ý kiến của Hội thẩm Phạm Quang Vinh.

+ Ý kiến của chủ tọa phiên tòa: thống nhất với ý kiến của hai vị Hội thẩm.

- Biểu quyết 3/3 thống nhất ý kiến nêu trên.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 45 phút, cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quang Vinh - Nguyễn Thị Loan

Đoàn Thị T Nga

